

Bản án số: 153/2024/HS-ST

Ngày: 24/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mỹ

Ông Trần Trung Dũng

- *Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bắc* – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thanh Lam* - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 155/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **L (tên gọi khác: Long)**, sinh năm: 1992, nơi đăng ký thường trú: Thôn Tân Sơn, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện nay: Lô A8 căn 06 Trần Bội Cơ, khu phố 5, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nghề nghiệp: tự do, trình độ học vấn: 05/12; giới tính: nam, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; tôn giáo: Không. Cha: Lê Văn Liên, sinh năm: 1968; mẹ: Lương Thị Thường, sinh năm: 1968; anh ruột: Lê Văn Luân, sinh năm: 1991. Con ruột Võ Phước Lộc, sinh năm: 2020 và Võ Thị Thủy Tiên, sinh năm: 2023. Vợ: Võ Ái Chân, sinh năm: 1993.

Tiền án, tiền sự: không có.

Từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 03/2024 thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đến ngày 18/3/2024, bị khởi tố bị can và tạm giam theo Lệnh tạm giam số 230, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá. Ngày 24/5/2024, bị can được bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 17, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá. Hiện bị can đang tại ngoại tại số 06, Trần Bội Cơ, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hành vi phạm tội trên đây của bị can L đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Trần Thanh Nhu** - sinh năm: 1993.(vắng mặt)

Cư trú: Số 681 Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người chứng kiến:

- **Trần Ngọc Trân** - sinh năm: 2005.(vắng mặt)

Cư trú: Lô A8 căn 6 Trần Bội Cơ, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 45 phút, ngày 12/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá tiến hành bắt quả tang L có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại Lô A8 Căn 06 đường Trần Bội Cơ, khu phố 5, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Quá trình điều tra L khai nhận từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 11/2023, L đã nhiều lần cho Trần Thanh Nhu vay tiền bằng hình thức thanh toán lãi hàng ngày giữ nguyên nợ gốc (gọi là tiền đứng), với lãi suất 01%/ngày, tương đương 365%/năm, cụ thể như sau:

-Lần thứ nhất: Vào ngày 15/02/2023, L cho Nhu vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Để được vay tiền, Nhu phải trả cho L phí dịch vụ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do đó, Nhu nhận được số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng). Theo thỏa thuận, mỗi ngày Nhu phải trả cho L số tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 20/3/2023, L đã thu của Nhu tổng số tiền lãi là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng), trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định (20%/năm) là 931.507 đồng, thu lợi bất chính số tiền 19.068.493 đồng (bao gồm 3.000.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu).

- Lần thứ hai: Ngày 20/03/2023, L cho Nhu vay thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Để được vay tiền, Nhu phải trả cho L phí dịch vụ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và trả 10 ngày tiền lãi còn nợ (tương đương số tiền 5.000.000

đồng) ở khoản vay lần thứ nhất. Do đó, Nhu nhận được số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). L cộng dồn với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của ngày 15/02/2023 thành khoản vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, mỗi ngày Nhu phải đóng số tiền lãi cho L là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Đến ngày 30/3/2023, Nhu trả cho L số tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ở khoản vay này, L đã thu của Nhu số tiền lãi là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định (20%/năm) là 602.740 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.397.260 đồng (đã bao gồm 3.000.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu).

- Lần thứ ba: Vào ngày 15/4/2023, L cho Nhu vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Để được vay tiền, Nhu phải trả cho L phí dịch vụ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Do đó Nhu nhận được số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, mỗi ngày Nhu phải trả cho L số tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Từ ngày 30/4/2023 đến ngày 30/6/2023, L đã thu của Nhu tổng số tiền lãi là 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng), trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định (20%/năm) là 4.219.178 đồng, thu lợi bất chính số tiền 77.780.822 đồng (đã bao gồm 5.000.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu). Đối với khoản vay này Nhu đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 30/6/2023.

- Lần thứ tư: Vào ngày 04/9/2023, L cho Nhu vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Để được vay tiền, Nhu phải trả cho L phí dịch vụ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Do đó Nhu nhận được số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, mỗi ngày Nhu phải trả cho L số tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Từ ngày 20/9/2023 đến ngày 21/11/2023, L đã thu của Nhu tổng số tiền lãi là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định (20%/năm) là 4.383.562 đồng, thu lợi bất chính số tiền 80.616.438 đồng (bao gồm cả 5.000.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu).

- Lần thứ năm: Vào ngày 21/11/2023, L cho Nhu vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Để được vay tiền, Nhu phải trả cho L phí dịch vụ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Do đó Nhu nhận được số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). L cộng dồn với khoản vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của ngày 04/9/2023 thành khoản vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, mỗi ngày Nhu phải đóng số tiền lãi cho L là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Từ ngày 05/12/2023 đến ngày 12/3/2024, L đã thu tổng số tiền lãi là 176.000.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền lãi được phép

thu theo quy định (20%/năm) là 9.643.836 đồng, thu lợi bất chính số tiền 171.356.164 đồng (bao gồm 5.000.000 đồng phí “dịch vụ” đã thu).

Trong thời gian L cho Trần Thanh Nhu vay tiền, ngoài những lần đưa tiền mặt trực tiếp, L còn sử dụng các số tài khoản ngân hàng của Võ Ái Chân (VO AI CHAN, Vietcombank: 1019639544); tài khoản ngân hàng của Huỳnh Thị Anh Thư (HUYNH THI ANH THU, Sacombank: 070121002068) và của L (LE VAN LUONG, Vietcombank: 9982017497) để chuyển tiền cho vay và nhận tiền đóng lãi từ Nhu, (*bút lục 01 đến 04; 62 đến 87; 123 đến 127; 145 đến 163; 173 đến 181; 185 đến 188; 200 đến 202*).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến thống nhất diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Các đồ vật, tài liệu đã thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14pro, màu tím , số máy MQ1C3ZA/A, số seri N20HR9Q66P, số IMEI 35 690355 000558 6, số IMEI 2: 35 690355 005783 5 (đã qua sử dụng, bị bể kính lưng, không gắn sim).

- Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Trong đó: Số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi bị thu giữ khi bắt quả tang; số tiền 50.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính mà bị can tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, (*bút lục 04;51*).

Tại phiên tòa:

Bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố. Về trách nhiệm hình sự, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Về biện pháp tư pháp bị cáo L thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo L phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tuyên phạt bị cáo số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Buộc bị cáo L giao nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong là 200.000.000 đồng; số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của Trần Thanh Nhu là 19.780.822 đồng.

- Buộc bị cáo L trả lại cho Trần Thanh Nhu số tiền lãi vượt mức lãi suất

20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà L đã thu là 362.219.178 đồng.

Khi bị bắt quả tang L đã bị Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng và L đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 09/4/2024 (bút lục 50).

- Buộc Trần Thanh Nhu phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà L chưa thu hồi xong là 200.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp Ngân sách Nhà Nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14pro, màu tím, số máy MQ1C3ZA/A, số seri N20HR9Q66P, số IMEI 35 690355 000558 6, số IMEI 2: 35 690355 005783 5 (đã qua sử dụng, bị bể kính lưng, không gắn sim).

- Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng)

Theo quyết định chuyển vật chứng số 84/QĐ-VKS ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (bút lục số 228).

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Từ tháng 02/2023 đến tháng 03/2024 bị cáo L đã cho Trần Thanh Nhu vay tiền bằng hình thức tiền đứng, tổng cộng 05 lần cho vay với tổng số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 01%/ngày, tương đương 356%/năm (gấp 18,25 lần lãi suất quy định), thu lợi bất chính là 362.219.178 đồng (bao gồm 21.000.000 đồng tiền phí dịch vụ).

Tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Tổng số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng với mức lãi suất vượt mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định là 362.219.178 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn công cộng của người dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo lại có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vì lợi nhuận, không mang tính chất chuyên nghiệp dưới hình thức băng nhóm nên cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền để giáo dục bị cáo theo Hướng dẫn của Nghị quyết 01/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về tội danh, về điều luật áp dụng, về mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Võ Ái Chân, Huỳnh Thị Anh Thư qua làm việc xác định Chân và Thư chỉ cho L mượn tài khoản, không biết, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của L nên Cơ quan cảnh sát Điều

tra Công an thành phố Rạch Giá không xử lý hình sự.

** Về vật chứng và xử lý vật chứng:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu, nộp Ngân sách Nhà Nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14pro, màu tím , số máy MQ1C3ZA/A, số seri N20HR9Q66P, số IMEI 35 690355 000558 6, số IMEI 2: 35 690355 0005783 5 (đã qua sử dụng, bị bể kính lưng, không gắn sim).

- Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng)

Theo quyết định chuyển vật chứng số 84/QĐ-VKS ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (bút lục số 228).

** Về biện pháp tư pháp:* Thống nhất theo đề nghị của Viện Kiểm Sát cùng cấp về việc đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

- Truy thu của L để sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong là 200.000.000 đồng; số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của Trần Thanh Nhu là 19.780.822 đồng.

- Buộc L trả lại cho Trần Thanh Nhu số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà L đã thu là 362.219.178 đồng.

Khi bị bắt quả tang L đã bị Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng và L đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 09/4/2024 (bút lục 50).

- Truy thu của Trần Thanh Nhu phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà L chưa thu hồi xong là 200.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

- Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo L số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp Ngân sách Nhà Nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14pro, màu tím , số máy MQ1C3ZA/A, số seri N20HR9Q66P, số IMEI 35 690355 000558 6, số IMEI 2: 35 690355 005783 5 (đã qua sử dụng, bị bể kính lưng, không gắn sim).

- Tiền Việt Nam: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng)

Theo quyết định chuyển vật chứng số 84/QĐ-VKS ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (bút lục số 228).

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc L giao nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong là 200.000.000 đồng; số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của Trần Thanh Nhu là 19.780.822 đồng, khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng khi bị bắt quả tang L đã bị cơ quan điều tra thu giữ và L đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 09/4/2024 (bút lục số 50).

- Buộc L trả lại cho Trần Thanh Nhu số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà L đã thu là 362.219.178 đồng.

- Truy thu của Trần Thanh Nhu số tiền gốc đã vay mà L chưa thu hồi xong là 200.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự TP. Rạch Giá;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Công an TP. Rạch Giá;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Tất Ngọc Trân